TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-PT
Ngày: 22-02-2021
"V/v Tranh chấp dân sự về hụi "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp dân sự về hụi";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 537/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 38/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1960;

1.2. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H.B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988;

2.2. Anh Châu Ngọc H1, sinh năm 1989;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Châu Ngọc H1 là chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2021);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H.B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 (Là các bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn và là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ là bà Nguyễn Thị L1 trình bày.

Vào ngày 15/8/2016 tôi có làm chủ dây hụi 5.000.000đ, có 14 người cùng tham gia, cô T1 với chú H1 tham gia 02 chân. Trong dây hụi cô T1 đã hốt xong, nhưng không chầu lại hụi chết cho tôi, hiện còn nợ tôi tổng số tiền của 02 chân là 70.000.000đ. Dây hụi 2.000.000đ khui vào ngày 30/8/2016, cô T1 có tham gia 01 chân, hụi này đã mản rồi cô T1 còn nợ tôi 6.000.000đ. Tổng cộng cô T1, chú H1 nợ tôi 76.000.000đ. Chúng tôi yêu cầu cô T1 và chú H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền này cho chúng tôi. Đối với yêu cầu của cô T1 tôi thừa nhận: Vào ngày 15/8/2016 tôi có làm chủ dây hụi 5.000.000đ, có 14 người chơi, cô T1 tham gia 02 chân. Sau đó cô T1 đóng được 05 lần hụi sống của 02 chân thì hụi này đã bể. Hôm nay cô T1 yêu cầu tôi trả lại số tiền đã đóng là 50.000.000đ, tôi không đồng ý. Vì hụi này đã bể không còn hoạt động nên tôi đồng ý trả lại cô T1 tiền vốn mà cô đóng hụi sống bình quân mỗi lần là 2.500.000đ (2.500.000đ x 02 chân x 05 lần = 25.000.000đ) là 25.000.000đ mà thôi.

Ngày 05/12/2016 tôi có làm chủ dây hụi 5.000.000đ, có 12 người chơi cô T1 tham gia 01 chân. Sau đó cô T1 đóng được 03 lần hụi sống, thì bể hụi, tôi đồng ý trả lại cô T1 tiền vốn là 10.000.000đ nhưng tôi đã trả được 2.500.000 còn lại 7.500.000đ.

Đối với dây hụi 2.000.000đ khui ngày 05/12/2016, do tôi làm chủ có 12 người tham gia, cô T1 tham gia 01 chân, hụi này đến tháng 12/2020 mới mãn. Trong dây hụi này cô T1 đóng được 06 lần hụi sống, sau đó cô không đóng nữa. Hôm nay tôi thống nhất trả lại cô T1 06 lần đóng là 12.000.000đ nhưng đến khi mãn (tức đến tháng 12/2020) tôi mới trả.

Tổng cộng hiện tôi nợ cô T1 tổng số tiền là 44.500.000đ của 03 dây hụi gồm: Hụi 5.000.000đ khui ngày 15/8/2016 số tiền 25.000.000đ; hụi 5.000.000đ ngày 05/12/2016 số tiền 7.500.000đ và hụi 2.000.000đ khui ngày 05/12/2016 số tiền 12.000.000đ. Tôi đồng ý trả số tiền này cho cô T1.

Đối với việc trình bày và yêu cầu của cô T1 cho rằng tôi làm chủ dây hụi 5.000.000đ, có 12 người cùng chơi và dây hụi l.000.000đ có 16 người cùng chơi, hụi khui cùng ngày 15/5/2015 là không đúng, vì tôi không làm chủ hai dây hụi này. Hôm nay cô T1 cho rằng hiện tôi còn nợ cô số tiền 40.000.000đ của dây hụi 5.000.000đ và 11.850.000đ của dây hụi 1.000.000đ và yêu cầu tôi trả số tiền trên,

tôi không đồng ý trả theo yêu cầu của cô T1, tôi yêu cầu Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Châu Ngọc H1 trình bày:

Tôi thừa nhận vào năm 2016 chúng tôi có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị L1 làm chủ, hụi 5.000.000đ khui vào ngày 15/8/2016, trong dây hụi tôi tham gia 02 chân và tôi đã hốt xong, tôi không chầu lại hụi chết vì bà L1 còn hụi sống của tôi, tôi thừa nhận trong dây hụi này tôi còn nợ bà L1 70.000.000đ tính đến thời điểm này, trong dây hụi này còn 02 lần khui nữa là mãn hụi, nhưng chúng tôi đã trả 10.000.000đ, còn lại 60.000.000đ và chúng tôi còn nợ bà L1 6.000.000đ trong dây hụi 2.000.000đ khui ngày 30/8/2016, tổng cộng là 66.000.000đ. Tôi đồng ý trả bà L1 số tiền 66.000.000đ.

Dây hụi 2.000.000đ khui vào ngày 05/12/2016, có 12 người cùng chơi, tôi tham gia 01 chân. Sau đó tôi đóng được 06 lần hụi sống, không đóng nữa. Hôm nay bà L1 đồng ý trả lại chúng tôi số tiền 12.000.000đ tôi đồng ý nhận và tôi yêu cầu trừ vào số tiền mà chúng tôi nợ bà L1.

Dây hụi 5.000.000đ khui vào ngày 15/8/2016, dây hụi này có 14 người tham gia, tôi tham gia 02 chân. Trong dây hụi này tôi đóng được 05 lần hụi sống, thì bể hụi không còn hoạt động nữa, tôi không nhớ mỗi lần đóng hụi sống là bao nhiêu. Nay yêu cầu bà L1 trả lại số tiền của 05 lần hụi sống là hụi có lãi theo hụi chết là 50.000.000đ (05 lần x 02 chân x 5.000.000đ = 50.000.000đ).

Dây hụi 5.000.000đ khui vào ngày 05/12/2016, có 12 người cùng chơi, tôi tham gia 01 chân, tôi đã đóng được 04 lần hụi sống thì bà L1 tuyên bố bể hụi. Như vậy bà L1 còn nợ tôi số tiền là 20.000.000đ.

Dây hụi 5.000.000đ khui vào ngày 15/5/2015, do bà L1 làm chủ, có 12 người cùng chơi, tôi tham gia 02 chân. Tôi đã đóng 08 lần hụi sống với số tiền 40.000.000đ (5.000.000đ x 08 lần = 40.000.000đ), bà L1 tuyên bố bể hụi không gom nữa. Nay tôi yêu cầu bà L1, ông Đ cùng có trách nhiệm trả số tiền hụi sống là 40.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể đối với dây hụi 5.000.000đ khui ngày 15/5/2015 chị đồng ý khấu trừ chân hụi chết chị còn nợ 04 lần hụi chết là 20.000.000đ qua chân hụi sống 40.000.000đ, phần còn lại 20.000.000đ chị yêu cầu bà L1, ông Đ phải trả số tiền này lại cho chị.

Dây hụi 1.000.000đ khui vào ngày 15/5/2015, có 16 người cùng chơi, chúng tôi tham gia 01 chân, hụi này đã mản tôi đóng được 14 lần thì hốt với số tiền 14.000.000đ, trừ một lần hụi chết là l.000.0000đ và trừ phần tiền tôi bỏ để hốt là 1.150.000đ (tôi bỏ 2.150.000đ) nên bà L1 còn nợ tôi số tiền 11.850.000đ.

Như vậy, bà L1 còn nợ chúng tôi tổng số tiền 113.850.000đ. Trong đó, tôi đã nhận của bà L1 số tiền 10.400.000đ, hiện còn lại 103.450.000đ (Một trăm lẻ ba triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng), tôi yêu cầu bà L1 và ông Đ có trách nhiệm trả số tiền này lại cho tôi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Thành Đ đối với chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1.

2. Buộc chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ số tiền hụi còn nợ là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1, anh Châu Ngọc H1 đối với bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ.

4. Buộc bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 tổng số tiền là 56.350.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 phải nộp số tiền 6.155.000đ (Sáu triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.232.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002698 ngày 12/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị T1, anh H1 còn phải nộp thêm số tiền 2.923.000 đồng (Hai triệu, chín trăm hai mươi ba ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ phải nộp số tiền 2.817.500 đồng (Hai triệu, tám trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 2.400.000đ theo biên lai

số 0005797, quyển số 0000116 ngày 02/01/2020. Bà L1 và ông Đ phải nộp thêm số tiền 417.500đ (Bốn trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 10 năm 2020, các bị đơn chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Bị đơn có mặt tại phiên tòa. Riêng nguyên đơn bà L1, ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì phía chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chị T1 và anh H1 không đồng ý trả số tiền 76.000.000 đồng hụi chết cho bà L1, ông Đ mà chị T1, anh H1 chỉ đồng ý trả

48.000.000 đồng tiền hụi chết mà chị T1, anh H1 còn nợ cho bà L1, ông Đ; Đồng thời, chị T1 và anh H1 yêu cầu bà L1, ông Đ trả lại cho chị T1, anh H1 tiền hụi sống mà bà L1, ông Đ còn nợ chị T1, anh H1 là 76.350.000 đồng.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày yêu cầu của phía chị T1, anh H1 là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ:

- Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm thì chị T1 đều thừa nhận sau khi hốt hụi của bà L1 làm chủ thì hiện chị T1, anh H1 còn nợ lại tiền hụi chết của bà L1 số tiền là 76.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc chị T1, anh H1 trả cho bà L1, ông Đ số tiền 76.000.000 đồng tiền hụi chết còn nợ trên là hoàn toàn có căn cứ, và phù hợp, đúng pháp luật.

- Đối với các dây hụi sống mà chị T1 kháng cáo yêu cầu bà L1, ông Đ trả lại cho chị T1, anh H1 tổng số tiền là 76.350.000 đồng là không có căn cứ mà chỉ chấp nhận buộc bà L1, ông Đ trả lại tiền hụi sống cho chị T1, anh H1 số tiền là 56.350.000 đồng như án sơ thẩm đã nhận định và xét xử là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T1, anh Châu Ngọc H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị T1, anh H1 và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Chị T1, anh H1 và bà L1, ông Đ bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Chị T1, anh H1 không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy đinh của pháp luật.

[7] Các phần khác tại phần quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Thành Đ đối với chị Nguyễn Thị T1, anh Châu Ngọc H1.

4. Buộc chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ số tiền hụi còn nợ là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1, anh Châu Ngọc H1 đối với bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ.

6. Buộc bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 tiền hụi còn nợ là 56.350.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi cho bên được thi hành án của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Về án phí:

7.1. Chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 phải liên đới nộp 6.155.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.232.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002698 ngày 15/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 2.923.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7.2. Bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ phải liên đới nộp 2.817.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.400.000 đồng theo biên lai số 0005797 ngày 02/01/2020. Bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Thành Đ còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 417.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7.3. Chị Nguyễn Thị T1 và anh Châu Ngọc H1 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số 0010458 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Chị T1 và anh H1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm).

8. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Giao